

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST

Ngày: 08/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BL**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc **“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Quách Bích H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh BL.

Bị đơn: Anh Châu Đức A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh BL

(Chị H có mặt, anh A vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2021 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 chị có nhiều lần cho anh Châu Đức A vay số tiền gốc là 161.000.000đ (lần thứ nhất cho vay gốc 40.000.000đ, lần thứ hai cho vay 20.000.000đ; lần thứ ba vay số tiền 10.000.000đ; lần thứ tư vay số tiền 25.000.000đ; lần thứ năm vay 10.000.000đ; lần thứ sáu vay số tiền 6.000.000đ, lần thứ bảy vay số tiền 40.000.000đ, ngoài ra trong khoảng thời gian trên

chị còn cho anh A vay nhiều lần số tiền từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ tổng là 10.000.000đ). Như vậy tổng cộng chị cho anh A vay số tiền gốc là 161.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1.000.000đ/10.000.000đ/tháng, từ khi vay đến nay anh A chỉ trả được lãi số tiền 3.000.000đ, khi vay không có làm biên nhận, các bên cũng không thỏa thuận thời gian trả, khi nào cần vốn thì sẽ thông báo trước một thời gian. Mặc dù cho vay số tiền gốc 161.000.000đ, nhưng nay chị yêu cầu số tiền 300.000.000đ do chị tính lãi trên số tiền gốc và đồng thời yêu cầu tính lãi suất từ ngày 14.3.2021 với mức lãi suất 1.66%/tháng cho đến khi xét xử. Ngoài yêu cầu trên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn anh Châu Đức A trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 anh nhiều lần vay tiền của chị Quách Bích H, vay không có làm biên nhận hay giấy tờ gì, không có thỏa thuận thời gian trả, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 14.3.2021 chị H gây áp lực trả nợ nên anh kA vào biên nhận ngày 14.3.2021, nay chị H yêu cầu anh trả số tiền 300.000.000đ, anh không đồng A, anh chỉ đồng A trả số tiền 130.000.000đ, anh cũng không đồng A trả lãi do khi vay không có thỏa thuận tiền lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc anh Châu Đức A có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vay 130.000.000đ, và lãi suất từ ngày 14.3.2021 đến ngày 08.7.2022 với số tiền là 17.116.665đ. Không chấp nhận yêu cầu của chị H đối với số tiền 170.000.000đ và mức lãi suất 0.83%/tháng. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe A kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Quách Bích H yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Châu Đức A, bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện P, tỉnh BL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu anh Châu Đức A trả số tiền vay là 300.000.000đ, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp

cho Tòa án biên nhận cam kết ngày 14.3.2021 thể hiện anh A có vay số tiền 300.000.000đ. Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị H thừa nhận trong số tiền 300.000.000đ tại biên nhận ngày 14.3.2021 thì có tiền gốc là 161.000.000đ, còn lại là tiền lãi, đối với bị đơn không đồng A, chỉ cho rằng vay số tiền gốc 130.000.000đ. Xét thấy, chị H yêu cầu anh A trả số tiền vay 300.000.000đ (trong đó số tiền gốc là 161.000.000đ, còn lại là tiền lãi), anh A không đồng A, chị H không có tài liệu chứng cứ chứng minh anh A có vay số tiền trên, trong khi đó anh A chỉ thừa nhận có vay số tiền gốc là 130.000.000đ, điều này cũng phù hợp với biên bản hòa giải tại ấp P, thể hiện anh A vay số tiền gốc 130.000.000đ. Từ những phân tích nêu trên chỉ có căn cứ chấp nhận số tiền anh A nợ chị H là 130.000.000đ.

[4] Xét yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền 300.000.000đ kể từ ngày 14.3.2021 cho đến khi Tòa án xét xử. Xét thấy, khi vay các bên không làm biên nhận, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận lãi suất nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh trong khi đó bị đơn không thừa nhận, do đó có cơ sở xác định khoản vay nêu trên là khoản vay không có lãi suất. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Xét thấy, anh A đã vi phạm nghĩa vụ của người vay từ ngày 14.3.2021, do đó anh A phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ, nên được chấp nhận. Lãi suất được tính từ ngày 14.3.2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08.7.2022 là 01 năm 03 tháng 24 ngày x 0,83%/tháng x 130.000.000đ là 17.048.000 đồng.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Quách Bích H để buộc anh Châu Đức A có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 130.000.000đ gốc và 17.048.000đ lãi, tổng cộng là 147.048.000đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số tiền 170.000.000đ và mức lãi suất 0,83%/tháng.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị Quách Bích H phải nộp án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, anh Châu Đức A phải nộp án phí đối với yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Quách Bích H đòi nợ vay đối với anh Châu Đức A

Buộc anh Châu Đức A có nghĩa vụ trả cho chị Quách Bích H số tiền gốc là 130.000.000đ gốc và 17.048.000đ lãi, tổng cộng là 147.048.000đ.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Bích H đối với số tiền 170.000.000đ và mức lãi suất 0,83%/tháng.

3/ Về án phí: Chị Quách Bích H phải nộp án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 8.500.000đ, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí là 7.500.000đ tại biên lai thu số 0004865 ngày 11/11/2021, đối trừ án phí đã nộp buộc chị H nộp tiếp số tiền 1.000.000đ. Buộc anh Châu Đức A phải nộp số tiền án phí đối với yêu cầu của chị H được chấp nhận là 7.352.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tạ Văn Cung

